

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HB
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68/2025/HS-ST**

Ngày: 27/03/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HB , THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Mai Xuân Hoa**

2. Ông **Phùng Tiến Lập**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đinh Ngọc Tú** - Thư ký Toà án nhân dân quận HB .

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HB tham gia phiên tòa:* Bà **Chu Thị Chi** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận HB xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2025/TL–HSST ngày 03/3/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HS ngày 10/3/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê D** ; Sinh ngày 29/6/1978; Tại: Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: Số 179B LD , phường ND , quận HB , thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Bắc A, sinh năm: 1952 (đã chết) và bà: Trịnh Thị T, sinh năm: 1955; Vợ, con: không.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Ngày 14/6/1999, Tòa án nhân dân quận HB , Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (Chưa xóa án tích).

- Ngày 17/11/2004, Tòa án nhân dân quận HB , Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về Trộm cắp tài sản (Chưa xóa án tích).

- Ngày 28/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xử 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/06/2020, chưa nộp án phí (Chưa xóa án tích).

Nhân thân:

- Ngày 20/01/1997, Tòa án nhân dân quận HB , Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công D1 ân (Đã xóa án tích).

- Ngày 14/11/1996, Công an phường ND , quận HB xử phạt cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản.

- Ngày 18/5/2003, Công an phường ND , quận HB bắt đi cai nghiện bắt buộc 12 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/12/2024, hiện đang tạm giam tại Trại giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội (*Có mặt*)

* **Người bị hại:** Ông **Nguyễn Đình D1** – Sinh năm 1963

HKTT: Thôn TQ, xã PH, huyện KC, tỉnh Hưng Yên. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh **Đình Doanh T** – Sinh năm 1989

HKTT: Số 25 HV , phường HB , quận HK , Hà Nội. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cáo trạng và diễn biến tại phiên toà thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 18/12/2024, ông Nguyễn Đình D1 (*Sinh năm 1963, HKTT: Thôn TQ, xã PH, huyện KC, tỉnh Hưng Yên*) làm nghề xe ôm, dựng chiếc xe Honda Wave RSX màu đỏ - đen, BKS: 89E1-528.70 trên vỉa hè trước nhà số 73 ND , quận HB , Hà Nội để đi uống nước nhưng quên không rút chìa khóa và không gửi ai trông giữ. Trong cốp xe có 01 (một) Giấy đăng ký xe của chiếc xe trên và 01 (một) giấy phép lái xe A1 đều mang tên Nguyễn Đình D1 .

Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Lê D đi bộ từ nhà đến khu vực vỉa hè trước nhà số 73 ND thì phát hiện thấy chiếc xe máy trên nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D tiếp tục đi bộ đến khu vực vỉa hè Hồ Thiên Quang uống nước khoảng 30 phút rồi quay lại khu vực phố ND thì thấy chiếc xe máy vẫn còn đang dựng ở đó. D đi về phía chiếc xe, tháo chiếc túi nilon màu xanh treo ở móc giữa xe đặt tại vỉa hè trước nhà số 73 ND rồi dùng tay trái mở khóa xe đã cắm sẵn ở ổ khóa rồi điều khiển xe bỏ đi.

Sau khi đi lòng vòng qua các tuyến phố khoảng 20 phút thì D dừng xe, mở cốp xe thì thấy có 01 (một) đăng ký xe máy Honda Wave BKS 89E1-528.70 mang tên Nguyễn Đình D1 và nhiều giấy vụn, nilon khác (D không biết trong cốp xe có gì khác). Sau đó, D tiếp tục điều khiển xe máy đến gặp anh Đình Doanh T (*sinh năm 1989, HKTT: Số 25 HV , phường HB , quận HK , Hà Nội*) tại quán nước đối diện nhà Tú - Số 25 HV , phường HB , quận HK , Hà Nội để nhờ Tú bán hộ chiếc xe máy trên với giá 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Lúc này, D nói chiếc xe là của D được cho nhưng không sử dụng nên Tú đã đồng ý với D bán hộ chiếc xe. D đưa cho Tú chiếc xe cùng chìa khóa và giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Đình D1 rồi đi bộ về nhà.

Đến khoảng 10h00' ngày 19/12/2024, D đến nhà Tú thì thấy Tú đang bán chiếc xe cho một người đàn ông (không xác định được nhân thân, lai lịch). Tú bán chiếc xe với giá 4.000.000 (Bốn triệu) đồng, đưa cho D 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng và giữ lại 500.000 (năm trăm nghìn) đồng tiêu xài cá nhân hết. Số tiền bán xe Tú đưa cho D , D cũng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 20/12/2024, ông D1 đến Công an phường ND , quận HB trình báo về việc ông D1 bị mất chiếc xe máy trên.

Quá trình điều tra, Lê D giao nộp cho Cơ quan công an bộ đồ D mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, gồm: 01 (một) mũ lưỡi trai màu nâu, 01 (một)

áo khoác màu xanh đen có liền mũ và khóa kéo phía trước, 01 (một) đôi giày thể thao màu đen, 01 (một) quần bò màu xanh đều đã qua sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 01/KL-HĐ ĐGTS ngày 16/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự quận HB, kết luận:

“01 (một) chiếc xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ - đen, biển kiểm soát: 89E1-528.70, số khung: RLHJA3816GY127508, số máy: JA38E0269606, xe đăng ký lần đầu: 04/4/2018, đã qua sử dụng trị giá 8.000.000 đồng”.

Lê D khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra xác định, Đình Doanh T không biết xe máy Honda Wave RSX màu đỏ - đen, biển kiểm soát: 89E1-528.70 là tài sản D trộm cắp được nên không có căn cứ để xử lý Tú về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ - đen, biển kiểm soát: 89E1-528.70 hiện chưa thu hồi được. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe là ông Nguyễn Đình D1. Ông D1 đề nghị Lê D bồi thường dân sự số tiền là 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng, trong đó: 8.000.000 (Tám triệu) đồng là trị giá của chiếc xe bị trộm cắp và 6.000.000 (Sáu triệu) đồng là tiền mất thu nhập do không có xe chở khách. Hiện D chưa bồi thường số tiền trên cho ông D1.

Đối với bộ đồ D mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, gồm: 01 (một) mũ lưỡi trai màu nâu, 01 (một) áo khoác màu xanh đen có liền mũ và khóa kéo phía trước, 01 (một) đôi giày thể thao màu đen, 01 (một) quần bò màu xanh đều đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định là tài sản cá nhân của Lê D.

Cáo trạng số 25/CT-VKS-HBT ngày 26/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận HB đã truy tố Lê D về tội Trộm cắp tài sản theo điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo Lê D giữ nguyên lời khai như tại cơ quan điều tra, thừa nhận hành vi cũng như nội dung và tội danh mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HB tại phiên tòa có quan điểm: Sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, sau khi xét hỏi và thẩm vấn công khai tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo như sau:

Về hình phạt chính xử phạt:

Áp dụng: Điều 38, điểm s khoản 1 điều 51, điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Lê D từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường 8.000.000 đồng giá trị xe mô tô bị trộm cắp.

Buộc Đình Doanh T phải nộp số tiền 500.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 chiếc mũ lưỡi trai màu nâu đã qua sử dụng; 01 áo khoác màu xanh đen có liền mũ và khóa kéo phía trước đã qua sử dụng; 01 đôi giày thể thao màu đen đã qua sử dụng; 01 quần bò màu xanh đã qua sử dụng.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, xem xét các đề xuất của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá, phù hợp với vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Lê D là đối tượng không công ăn việc làm, khoảng 12 giờ 30 phút ngày 18/12/2024 Lê D đi bộ từ nhà đến khu vực vỉa hè trước cửa số nhà 73 ND phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ - đen, BKS: 89E1-528.70 trị giá 8.000.000 đồng của ông Nguyễn Đình D1 để trên vỉa hè, chìa khoá cắm ở ổ. Lê D quan sát thấy không có người trông giữ nên đã lén lút mở khoá nổ máy điều khiển xe đi lòng vòng qua các phố. Sau khi lấy được xe máy Lê D dừng xe kiểm tra cốp xe mô tô thấy có 01 đăng ký xe máy Honda Wave, BKS: 89E1-528.70 mang tên Nguyễn Đình D1. Lê D điều khiển xe máy vừa trộm cắp được đến gặp anh Đình Doanh T nói xe máy là của Lê D nhờ Tú bán hộ với giá 3.500.000 đồng và giao xe, giấy tờ cho Tú. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 19/12/2024, Đình Doanh T bán xe cho một người đàn ông (không xác định được nhân thân) với giá 4.000.000 đồng, Tú đã trả cho D 3.500.000 đồng và giữ lại 500.000 đồng các đối tượng đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản án số 85/2018/HS-ST ngày 28/9/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình xử phạt Lê D 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích. Lê D đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích lại tiếp thực hiện hành vi trộm cắp do đó lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm.

Viện kiểm sát nhân dân quận HB truy tố bị cáo Lê D về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm g khoản

2 Điều 173 Bộ Luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Về tính chất, mức độ:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội nên cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

[4] Về thân nhân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về hình phạt chính:

Trên cơ sở tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, hội đồng xét xử thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, đã bị kết án nhiều lần về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không có ý thức sửa chữa để sống lương thiện mà vẫn tiếp tục phạm tội, chưa bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Do vậy cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại giai đoạn điều tra và truy tố ông Nguyễn Đình D1 yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 14.000.000 đồng (trong đó 8.000.000 đồng là giá trị xe mô tô, 6.000.000 đồng là thiệt hại do bị mất thu nhập). Trước khi xét xử sơ thẩm ông D1 có đơn tự nguyện gửi Tòa án nhân dân quận HB xin rút yêu cầu bồi thường về thiệt hại do mất thu nhập không yêu cầu tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Đình D1 chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 8.000.000 đồng giá trị xe mô tô bị trộm.

Hội đồng xét xử thấy ông Nguyễn Đình D1 xin rút yêu cầu bồi thường thiệt hại do mất thu nhập là 6.000.000 đồng, không yêu cầu tòa án giải quyết là tự nguyện, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình D1 số tiền 8.000.000 đồng.

Đối với Đình Doanh T khi bán xe hộ Lê D đã được hưởng lợi số tiền là 500.000 đồng. Xét thấy đây là tiền Đình Doanh T được hưởng lợi do hành vi phạm tội của Lê D mà có nên cần tịch thu sung công quỹ.

[8] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan đã thu giữ của bị cáo: 01 chiếc mũ lưỡi trai màu

nâu đã qua sử dụng; 01 áo khoác màu xanh đen có liền mũ và khóa kéo phía trước đã qua sử dụng; 01 đôi giày thể thao màu đen đã qua sử dụng; 01 quần bò màu xanh đã qua sử dụng. Thấy rằng, các tài sản nêu trên là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về các đối tượng khác có liên quan:

Đối với Đinh Doanh T : Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Lê D đều khẳng định: Tú là bạn của Lê D , khi Lê D nhờ Tú bán hộ chiếc xe mô tô nói là xe của D và D đưa cho Tú đầy đủ đăng ký xe. Tú không biết chiếc xe mô tô là tài sản do Lê D phạm tội mà có. Lời khai này của Đinh Doanh T cũng phù hợp với lời khai của Lê D . Vì vậy, không có căn cứ xác định Đinh Doanh T phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có cũng như phạm tội Trộm cắp tài sản với vai trò đồng phạm là đúng.

[10] Về án phí:

Bị cáo Lê D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê D** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.
2. Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt **Lê D : 30 (ba mươi) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/12/2024.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng: Điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều: 357,468, 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Lê D phải bồi thường cho ông Nguyễn Đình D1 số tiền 8.000.000 (Tám triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn thi hành án (đối với các khoản tiền được trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng điều 46, điều 47 Bộ luật hình sự.

Buộc anh Đinh Doanh T nộp sung công quỹ nhà nước số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

6. Về vật chứng:

Áp dụng: Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Lê D : 01 chiếc mũ lưỡi trai màu nâu đã qua sử dụng; 01 áo khoác màu xanh đen có liền mũ và khóa kéo phía trước đã qua sử dụng; 01 đôi giày thể thao màu đen đã qua sử dụng; 01 quần bò màu xanh đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận tang vật số 110/25 ngày 27/2/2025 giữa Công an quận HB và Chi cục thi hành án dân sự quận HB)

5. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23, điều 26 Nghị quyết 326 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Lê D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Theo Điều 262 BLTTHS;
- UBND xã (phường) nơi bị cáo cư trú (thay thông báo KQXX);
- Lưu HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Huệ

